

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Họ tên: Lê Nhựt Minh Quân

MSV: 4451190099

Mã học phần: 231113030220

BÀI KIỂM TRA GIỮA KỲ - NĂM HỌC 2023-2024

Môn kiểm tra: Lịch sử Đảng Cộng sản

Việt Nam

Đề bài:

Giả thuyết: Có nhà máy dệt A hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung (thời kỳ trước đổi mới) và nhà máy dệt B hoạt động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (thời kỳ đổi mới).

Anh(Chị) hãy:

- Chỉ rõ sự khác biệt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của 2 nhà máy trên.
- Từ đó rút ra hạn chế của cơ chế kế hoạch hóa tập trung.

Bài làm:

1. Chỉ rõ sự khác biệt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của 2 nhà máy trên.

Sự khác biệt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của hai nhà máy A và B là sự khác biệt giữa hai cơ chế kinh tế khác nhau: kế hoạch tập trung và thị trường xã hội chủ nghĩa. Cơ chế kế hoạch tập trung mang tính chất mệnh lệnh, bao cấp, còn cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa mang tính chất tự chủ, cạnh tranh. Sự khác biệt này thể hiện ở tất cả các phương diện của hoạt động sản xuất kinh doanh, từ hình thức sở hữu, tổ chức quản lý, đến vấn đề tiêu thụ sản phẩm.

Về hình thức sở hữu, nhà máy A hoạt động theo cơ chế kế hoạch tập trung, do đó hình thức sở hữu chủ yếu là sở hữu nhà nước. Nhà nước nắm quyền sở hữu, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động của nhà máy. Nhà máy B hoạt động theo cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa, do đó hình thức sở hữu đa dạng hơn, bao gồm sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, sở hữu có vốn đầu tư nước ngoài.

Về tổ chức quản lý, nhà máy A hoạt động theo cơ chế kế hoạch tập trung, do đó việc đầu tư trang thiết bị máy móc, đào tạo tuyển dụng nhân lực, nguồn vốn, nguồn nguyên vật liệu, trả lương, thưởng cho người lao động đều dựa trên kế hoạch của Nhà nước. Việc đầu tư trang thiết bị máy móc thường theo hướng tập trung, đồng bộ, không đáp ứng được nhu cầu sản xuất thực tế. Việc đào tạo tuyển dụng nhân lực thường theo các ngành nghề chung, không đáp ứng được nhu cầu chuyên môn hóa của sản xuất kinh doanh. Nguồn vốn, nguồn nguyên vật liệu chủ yếu được cấp từ ngân sách Nhà nước, không đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh đột xuất. Việc trả lương, thưởng cho người lao động chủ yếu dựa trên quy định của Nhà nước, không có sự gắn bó với hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Nhà máy B hoạt động theo cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa, do đó việc đầu tư trang thiết bị máy móc, đào tạo tuyển dụng nhân lực, nguồn vốn, nguồn nguyên vật liệu,

trả lương, thưởng cho người lao động đều dựa trên nhu cầu và khả năng của doanh nghiệp. Việc đầu tư trang thiết bị máy móc chủ yếu dựa trên nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đáp ứng được nhu cầu thực tế. Việc đào tạo tuyển dụng nhân lực chủ yếu dựa trên nhu cầu chuyên môn hóa của sản xuất kinh doanh, đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Nguồn vốn, nguồn nguyên vật liệu chủ yếu được huy động từ thị trường, đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh đột xuất. Việc trả lương, thưởng cho người lao động chủ yếu dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gắn bó với hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Về vấn đề tiêu thụ sản phẩm, nhà máy A hoạt động theo cơ chế kế hoạch tập trung, do đó việc tiêu thụ sản phẩm chủ yếu được thực hiện thông qua hệ thống phân phối của Nhà nước. Các nhà máy thường được giao chỉ tiêu tiêu thụ sản phẩm, không có sự linh hoạt trong việc tiêu thụ sản phẩm. Nhà máy B hoạt động theo cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa, do đó việc tiêu thụ sản phẩm chủ yếu được thực hiện thông qua thị trường. Các nhà máy có thể tự chủ quyết định việc tiêu thụ sản phẩm theo nhu cầu của thị trường.

2. Rút ra hạn chế của cơ chế kế hoạch hóa tập trung

Từ những sự khác biệt trên, có thể rút ra một số hạn chế của cơ chế kế hoạch hóa tập trung như sau:

2.1. Hạn chế về hiệu quả sản xuất kinh doanh:

Do việc đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đều dựa trên kế hoạch của Nhà nước, nên các nhà máy hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung thường không đáp ứng được nhu cầu thực tế của thị trường. Điều này dẫn đến tình trạng thừa - thiếu, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.2. Hạn chế về tính tự chủ, sáng tạo của doanh nghiệp:

Các doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung không có nhiều quyền tự chủ trong việc ra quyết định về đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Điều này dẫn đến tình trạng mất động lực, thiếu sáng tạo trong sản xuất kinh doanh.

2.3. Hạn chế về tính công bằng:

Việc trả lương, thưởng cho người lao động chủ yếu dựa trên quy định của Nhà nước, không có sự gắn bó với hiệu quả sản xuất kinh doanh. Điều này dẫn đến tình trạng không công bằng trong phân phối thu nhập.

2.4. Hạn chế về tính dân chủ:

Cơ chế kế hoạch hóa tập trung mang tính chất mệnh lệnh, bao cấp, không có sự tham gia của người dân và doanh nghiệp trong quá trình hoạch định và thực hiện kế hoạch kinh tế. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu dân chủ trong quản lý kinh tế.

Những hạn chế này đã dẫn đến tình trạng trì trệ, kém phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ trước đổi mới. Kinh tế bao cấp “cào bằng” mọi thứ dưới sự quản lý của Nhà nước nên không tạo ra động lực cho sự phát triển, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cho phép thành phần tư nhân tham gia vào nền kinh tế nên tạo sự cạnh tranh, thúc đẩy cả nền kinh tế phát triển. Nền kinh tế bao cấp vẫn có lúc hữu ích, đó là thời chiến, nền kinh tế bao cấp cho phép tập trung mọi nguồn lực một cách nhanh chóng, giúp tổng động viên quốc phòng nhanh để phục vụ cho chiến tranh nhưng khi hòa bình lập lại thì nó bộc lộ sự trì trệ, quan liêu, bao cấp... không còn thích hợp nữa. Thích hợp ở thời bình phải là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với việc đổi mới toàn diện đất nước, Việt Nam đã chuyển sang cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa. Cơ chế này đã khắc phục được những hạn chế của cơ chế kế hoạch hóa tập trung, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.